

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản trị tài sản trí tuệ
tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TP.HCM**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ – TIN HỌC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) từ loại hình Trường Đại học dân lập sang loại hình Trường Đại học tư thục;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2015/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học – Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TP.HCM.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các đơn vị phòng, khoa, trung tâm, viện và các cá nhân có liên quan thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐTSĐH-KHCN.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Anh Tuấn

QUY ĐỊNH
Quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TP.HCM
(Kèm theo Quyết định số 732/QĐ-ĐNT, ngày 24 / 6 /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TP.HCM)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và nguyên tắc xây dựng quy định

1. Quy định Quản trị tài sản trí tuệ (sau đây gọi tắt là Quy định) bao gồm các quy định liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) tại trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường), nhằm cụ thể hóa quy định tổ chức và hoạt động của Trường đối với các vấn đề liên quan đến tài sản trí tuệ (TSTT) trong các mối quan hệ nội bộ của Trường, giữa Trường với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật về SHTT.
2. Quy định được biên soạn trong phạm vi xây dựng quy định SHTT trong trường đại học theo quy định của Nhà nước và cả nội dung liên quan khác do đặc thù của Trường mà Nhà nước chưa có quy định trong phạm vi liên quan đến các TSTT tại Trường.
3. Quy định thực hiện theo quy chế dân chủ và công khai trong Trường.

Điều 2. Phạm vi xây dựng quy định

1. Quy định thiết lập một khung ứng xử chung tại Trường liên quan đến việc nhận diện, xác lập, theo dõi và bảo vệ quyền SHTT đối với TSTT; tổ chức quản lý và khai thác giá trị thương mại các TSTT tại Trường (bao gồm TSTT của Trường và TSTT khác mà Trường sử dụng).
2. Quy định này gồm xác lập quyền SHTT, quản lý, khai thác, sử dụng và phân bổ lợi ích mang lại từ hoạt động SHTT, quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân, đơn vị trực thuộc Trường, các cá nhân, tổ chức không trực thuộc Trường nhưng có tham gia hợp tác với Trường trong quá trình tạo ra, hoặc khai thác, sử dụng TSTT thuộc quyền của Trường, gồm:

1. Tất cả người lao động; người học: nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên; cộng tác viên làm việc và học tập tại/với Trường (sau đây gọi tắt là cá nhân thuộc Trường).
2. Tất cả các Phòng, Khoa, Bộ môn, Viện, Trung tâm, Thư viện, Phòng thí nghiệm, đơn vị tổ chức khác có liên quan trực thuộc Trường (sau đây gọi tắt là đơn vị thuộc Trường).
3. Các chủ thể khác bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có quan hệ hợp tác liên quan đến hoạt động SHTT của Trường thông qua giao kết hợp đồng sản xuất, thương mại hoặc dịch vụ bao gồm nhưng không giới hạn ở hợp đồng nghiên cứu khoa học, hợp đồng phát triển công nghệ, hợp đồng mua bán/chuyển nhượng TSTT, hợp đồng li-

xăng/chuyển giao công nghệ, hợp đồng triển khai dự án, hợp đồng đào tạo, tư vấn.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi của Quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản trí tuệ* là đối tượng quyền SHTT bao gồm đối tượng quyền tác giả, đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả, đối tượng quyền sở hữu công nghiệp, đối tượng quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về SHTT.

2. *Đối tượng quyền SHTT* là các đối tượng được quy định theo pháp luật về SHTT.

- Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

- Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.

- Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch.

- Đối tượng quyền khác phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, triển khai hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cung ứng dịch vụ và truyền thông của Trường, tất cả các đối tượng nêu trên đều có thể phát sinh và trở thành quyền tài sản của Trường, hoặc giữa Trường với chủ thể khác có liên quan.

3. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền liên quan đến giống cây trồng.

4. *Tác giả* là cá nhân trực tiếp tham gia, đóng góp công sức trong việc sáng tạo ra các đối tượng quyền SHTT được bảo hộ dưới dạng quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

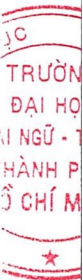
5. *Chủ sở hữu quyền tác giả* là tổ chức, cá nhân nắm giữ một phần hoặc toàn bộ quyền tài sản đối với TSTT.

6. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

7. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

8. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

9. *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.



10. *Chủ thể quyền SHTT* là chủ sở hữu quyền SHTT hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền SHTT.

11. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

12. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

13. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

14. *Sao chép* là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

15. *Phát sóng* là việc truyền âm thanh hoặc hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh để công chúng có thể tiếp nhận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

16. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng ứng dụng các quy luật tự nhiên.

17. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

18. *Chương trình máy tính* là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể.

19. *Sưu tập dữ liệu* là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở việc tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác.

20. *Mạch tích hợp bán dẫn* là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

21. *Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn* (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

22. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

23. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

24. *Khu vực kinh doanh* quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

25. *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, quyền đối với giống cây trồng.

26. *Thông tin mật của Trường* là các thông tin được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc thông tin được xác định, xác lập theo Quy chế bảo mật của Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

27. *Chuyển giao TSTT* là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng (cấp li-xăng) đối với một tài sản trí tuệ cụ thể.

28. *Hoạt động công vụ* là hoạt động do người lao động của Trường thực hiện theo nhiệm vụ được giao.

29. *Nhiệm vụ được giao* là nhiệm vụ theo quy định của Trường hoặc được xác định trong hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc quy định của pháp luật.

30. *Nguồn lực của Trường* bao gồm nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực khác.

Chương II

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 5. Trường là chủ sở hữu đối với các TSTT sau đây:

1. Được tạo ra bởi cá nhân hoặc đơn vị thuộc Trường theo nhiệm vụ được giao, hoặc không theo nhiệm vụ được giao nhưng chủ yếu sử dụng nguồn lực của Trường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
2. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trường đặt hàng đối với các đơn vị hoặc cá nhân liên quan, trừ trường hợp các hợp đồng này có quy định khác.
3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường với các đơn vị hoặc cá nhân liên quan mà trong hợp đồng có quy định các TSTT phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trường.
4. Được các cơ quan có thẩm quyền chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho Trường đứng tên chủ sở hữu.
5. Được các đơn vị hoặc cá nhân liên quan là chủ sở hữu hợp pháp đối với các TSTT chuyển nhượng hoặc tặng cho Trường.
6. Tên thương mại, lô-gô, mẫu văn bằng, mẫu chứng chỉ của Trường.
7. Ngân hàng đề thi do Trường tổ chức xây dựng.

Điều 6. Trường là đồng sở hữu đối với các TSTT sau đây:

1. Được tạo ra bởi cá nhân hoặc đơn vị thuộc Trường không theo nhiệm vụ được giao, nhưng sử dụng nguồn lực của Trường.

2. Được tạo ra bởi cá nhân hoặc đơn vị thuộc Trường không theo nhiệm vụ được giao và không sử dụng nguồn lực của Trường, nhưng xuất phát từ thông tin mật, bí mật kinh doanh mà cá nhân hoặc tổ chức đó đã được phép tiếp cận một cách hợp pháp.

3. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng hợp tác nghiên cứu, đầu tư, kinh doanh và các loại hợp đồng khác với các đơn vị và cá nhân liên quan, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

4. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ. Trong đó, Trường là bên tài trợ hoặc nhận tài trợ, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

5. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp quy định tại điều này sẽ do Trường quy định đối với khoản 1 và khoản 2 hoặc do các bên tự thỏa thuận giữa các bên đối với khoản 3 và khoản 4, dựa theo tỷ lệ đóng góp của các bên, trên cơ sở nguyên tắc hợp tác bền vững, các bên cùng có lợi.

6. Trong trường hợp một đồng sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình thì Trường và các đồng sở hữu còn lại được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quy định liên quan đến đối tượng quyền tác giả

1. Các tác phẩm thường phát sinh trong các mặt hoạt động khác nhau của Trường bao gồm: luận văn, luận án, khóa luận; các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu; báo cáo nghiên cứu khoa học, báo cáo khảo sát cấp Khoa, cấp Trường và các báo cáo khác; kỷ yếu hội nghị, hội thảo do Trường xuất bản, giáo trình, tài liệu tham khảo, tập bài giảng do Trường xuất bản, sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử do Trường xuất bản, chương trình máy tính, các phần mềm ứng dụng phục vụ các hoạt động chuyên môn, sưu tập dữ liệu.

2. Trong trường hợp TSTT do cá nhân, đơn vị thuộc Trường tạo ra tác phẩm phái sinh từ một tác phẩm của Trường và không thuộc trường hợp phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc, các tác giả phải thông báo cho Trường về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải được Trường chấp thuận bằng văn bản trước khi công bố và xác lập quyền sở hữu đối với tác phẩm phái sinh đó.

3. Các đối tượng quyền liên quan thường phát sinh trong các mặt hoạt động khác nhau của Trường bao gồm các chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, băng, đĩa ghi hình của Trường.

4. Trong trường hợp TSTT do cá nhân, đơn vị thuộc Trường tạo ra theo quy định của Quy định này là đối tượng quyền liên quan phát sinh từ một tác phẩm hoặc một quyền liên quan của Trường và không thuộc trường hợp phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm, chủ sở hữu quyền liên quan gốc, các tác giả phải thông báo cho Trường về việc xuất hiện quyền liên quan này và phải được Trường chấp thuận bằng văn bản trước khi đưa quyền liên quan này vào hoạt động khai thác thương mại.

5. Nội dung quyền tác giả, quyền liên quan; điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký bảo hộ căn cứ theo quy định của pháp luật về SHTT.

6. Trường được loại trừ trách nhiệm trong trường hợp cá nhân, đơn vị thuộc Trường sử dụng trái phép đối tượng quyền tác giả, đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả mà chưa được sự cho phép của chủ sở hữu khi thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc hoạt động không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Quy định liên quan đến đối tượng quyền sở hữu công nghiệp

1. Các đối tượng liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp thường phát sinh trong các mặt hoạt động khác nhau của Trường bao gồm các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tên thương mại và bí mật kinh doanh.

2. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp; điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký bảo hộ căn cứ theo quy định của pháp luật về SHTT.

3. Trường được loại trừ trách nhiệm trong trường hợp cá nhân, đơn vị thuộc Trường sử dụng trái phép đối tượng quyền sở hữu công nghiệp mà chưa được sự cho phép của chủ sở hữu khi thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc hoạt động không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Tên gọi, tên giao dịch Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên gọi, tên giao dịch của Trường: Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh và/hoặc Ho Chi Minh City University of Foreign Languages – Information Technology.

2. Các cá nhân, đơn vị thuộc Trường được quyền sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trường để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Việc sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trường phải đảm bảo hình ảnh, uy tín của Trường, việc sử dụng tên gọi, tên giao dịch của Trường không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao phải được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng Trường.

Điều 10. Nhãn hiệu Trường

1. Nhãn hiệu của Trường là nhãn hiệu được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận số 257558 theo quyết định số 5462/QĐ-SHTT ngày 29/01/2016.

2. Trường là chủ sở hữu quyền tác giả của nhãn hiệu Trường.

3. Trường là chủ sở hữu nhãn hiệu Trường.

4. Các cá nhân, đơn vị thuộc Trường được sử dụng nhãn hiệu Trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Các đơn vị thuộc Trường có quyền thiết kế xây dựng và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu khác mang đặc điểm, bản chất riêng của đơn vị trên nguyên tắc đảm bảo hình ảnh và uy tín



của Trường. Trường là chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu nhãn hiệu đối với các nhãn hiệu của các đơn vị thuộc Trường.

6. Việc sử dụng các nhãn hiệu thuộc sở hữu của Trường không nằm trong phạm vi nhiệm vụ được giao phải được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng Trường.

Điều 11. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các hoạt động của Thư viện Trường

1. Mọi hoạt động của Thư viện Trường phải đảm bảo các quy định về bản quyền tác giả theo quy định của Luật SHTT và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Mọi hình thức sao chép hay số hóa các tài liệu của Thư viện chỉ được nhằm mục đích phi thương mại là lưu trữ phục vụ học tập, giảng dạy, nghiên cứu trong phạm vi thư viện, Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường không chịu trách nhiệm trước các hành vi sao chép hay số hóa tài liệu của người lao động làm việc tại Thư viện với mục đích thương mại hoặc vi phạm các quy định của Luật SHTT và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Các cá nhân vi phạm sẽ chịu hình thức kỷ luật theo quy định của Trường và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

4. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Chủ nhiệm Thư viện Trường chịu trách nhiệm xây dựng Nội quy làm việc tuân thủ các quy định về quyền SHTT liên quan.

Chương III

TÁC GIẢ VÀ ĐỒNG TÁC GIẢ CỦA CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 12. Các quy định về tác giả và đồng tác giả

1. Cá nhân được xác định là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT nếu cá nhân đó có tham gia trực tiếp và đóng góp công sức vào việc sáng tạo ra TSTT tương ứng. Cá nhân được xem là “có tham gia trực tiếp và đóng góp công sức vào việc sáng tạo” khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hoặc dễ dàng đối với thành viên tham gia đề tài, dự án, công trình, khâu công việc mà từ đó TSTT liên quan được tạo ra.

2. Các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của pháp luật về SHTT, dân sự và pháp luật khác có liên quan, trừ trường hợp Quy định này hoặc trong hợp đồng tương ứng có quy định hợp pháp khác.

3. Trong trường hợp TSTT được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả thì danh sách tên các đồng tác giả và tỷ lệ đóng góp của từng tác giả sẽ do nhóm tác giả tự thỏa thuận nhưng không được trái với Quy định này và pháp luật hiện hành.

4. Các đồng tác giả được hưởng quyền tài sản tương ứng theo quy định hợp pháp của Quy định này, hoặc trong hợp đồng giao kết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.



Chương IV

QUẢN LÝ CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 13. Bộ phận Quản trị TSTT

1. Bộ phận Quản trị TSTT là đơn vị thuộc Trường, thực hiện chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng và phối hợp với các đơn vị thuộc Trường thực hiện nhiệm vụ quản trị TSTT của Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bộ phận Quản trị TSTT được tổ chức và hoạt động theo quy chế riêng.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị thuộc Trường

Người đứng đầu các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ trong việc:

1. Phòng chống việc xâm phạm trái phép quyền SHTT của các chủ thể khác trong mọi hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp vi phạm, các đơn vị liên quan phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.

2. Quán triệt Quy định này cùng các quy định liên quan khác đến tất cả các cá nhân thuộc Trường trong phạm vi quản lý của mình.

3. Yêu cầu các cá nhân thuộc Trường trong phạm vi quản lý của mình tiến hành hoạt động ghi nhận các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành và theo hướng dẫn của Quản trị viên TSTT.

4. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với các TSTT do đơn vị mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo Quy định này.

5. Xúc tiến việc khai thác giá trị của các TSTT do đơn vị mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo Quy định này.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của cá nhân thuộc Trường

1. Ghi nhận kịp thời và đầy đủ về các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành và theo hướng dẫn của Quản trị viên TSTT. Tất cả các bản ghi nhận này được xem là thông tin mật của Trường cho đến khi Bộ phận Quản trị Tài sản trí tuệ thông báo bằng văn bản về việc có thể công bố hoặc tiết lộ.

2. Sử dụng quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân khác phải tuân thủ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp vi phạm, các cá nhân liên quan phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo Quy định này.

4. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của Trường hoặc của các tổ chức, cá nhân khác theo Quy định này.

5. Hỗ trợ Bộ phận Quản trị TSTT mô tả các thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện các thủ tục xác lập và khai thác quyền đối với TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc quyền sở hữu của Trường.

6. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về TSTT.

7. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến TSTT của Trường phải được sự đồng ý bằng văn bản của nhà trường.

Điều 16. Xử lý hành vi vi phạm quyền SHTT

1. Trường hợp các đối tượng theo Quy định tại Điều 3, khi có hành vi vi phạm quy định, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Trường.

2. Trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền SHTT của đối tượng tại Điều 3 Quy định này làm phát sinh các trách nhiệm dân sự, hành chính và hình sự, đối tượng này sẽ phải tự mình chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật liên quan đối với hành vi vi phạm do mình gây ra.

Chương V

CƠ CHẾ KHAI THÁC VÀ PHÂN BỐ LỢI ÍCH TỪ CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 17. Các hình thức khai thác TSTT

Việc khai thác TSTT được tiến hành dưới các hình thức sau:

1. Công bố TSTT;
2. Chuyển nhượng TSTT;
3. Áp dụng TSTT vào quy trình tác nghiệp, kinh doanh, sản xuất của Trường;
4. Dùng quyền SHTT để góp vốn, liên doanh, liên kết;
5. Cấp “Li-xăng” cho các đối tượng có nhu cầu;
6. Chuyển giao công nghệ;
7. Chuyển nhượng, cho, tặng quyền SHTT;
8. Các hình thức khai thác khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ về khai thác TSTT của cá nhân thuộc Trường

1. Có quyền tiếp cận, sử dụng và bảo vệ các TSTT của Trường khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Có quyền được hưởng các lợi ích từ việc khai thác TSTT của Trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả.

3. Trong trường hợp TSTT do cá nhân thuộc Trường tạo ra là một sáng chế phụ thuộc đã được cấp bằng sáng chế độc quyền cho Trường, việc sử dụng và khai thác sáng chế phụ thuộc phải được sự đồng ý bằng văn bản của Trường.



4. Trong trường hợp TSTT do cá nhân thuộc Trường tạo ra là một tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường và không thuộc trường hợp phải xin phép trước chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Trường về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải được sự đồng ý bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu.

5. Sau khi chính thức nghỉ việc tại Trường, người lao động, người học, cộng tác viên không còn được hưởng thù lao từ các TSTT mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả nhưng thuộc sở hữu của Trường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 19. Chuyển giao TSTT giữa Trường, các đơn vị thuộc Trường với cá nhân thuộc Trường

1. Trong trường hợp Trường thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của Trường đối với TSTT do các đơn vị thuộc Trường, cá nhân thuộc Trường sáng tạo ra. Đơn vị trực thuộc Trường hoặc các cá nhân thuộc Trường có thể yêu cầu Trường chuyển nhượng lại TSTT đó cho mình.

2. Trường có thể yêu cầu các cá nhân thuộc Trường chuyển nhượng TSTT do họ sáng tạo ra theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định pháp luật.

3. Các đơn vị trực thuộc Trường, các cá nhân thuộc Trường phải đồng ý cấp phép sử dụng không độc quyền và vô thời hạn (Li-xăng cưỡng bức) đối với các Tài sản trí tuệ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực tại Trường hoặc theo quy định của pháp luật.

4. Các đơn vị thuộc Trường, các cá nhân thuộc Trường không chuyển giao các TSTT cho tổ chức, cá nhân thứ ba nếu việc chuyển giao đó có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Trường, trừ trường hợp có sự thỏa thuận hoặc đồng ý bằng văn bản của Trường hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 20. Hoạt động xúc tiến thương mại của Bộ phận Quản trị TSTT

1. Bộ phận Quản trị TSTT có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại đối với các TSTT mà Trường là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu.

2. Bộ phận Quản trị TSTT tham mưu cho Ban Giám hiệu, Hội đồng Trường ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng Li-xăng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh – liên kết, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo ra TSTT mới và các loại hợp đồng khác nhằm xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Phân bổ thu nhập và lợi ích từ việc sử dụng và khai thác các tài sản trí tuệ

Tùy theo loại TSTT khi triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa, sau khi khấu trừ các chi phí có liên quan như: chi phí ban đầu, chi phí phát sinh khi thực hiện các thủ tục hành chính trong quá trình triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa..., lợi nhuận được

phân chia theo các quy định sau (trừ trường hợp giữa các bên có thỏa thuận khác):

1. Các tác giả và đồng tác giả của các TSTT được hưởng thù lao theo các quy định của Trường liên quan hoặc theo các hợp đồng liên quan mà họ đã giao kết. Với những trường hợp đạt kết quả vượt mức, Bộ phận Quản trị TSTT sẽ đề xuất Ban Giám hiệu khen thưởng xứng đáng.

2. Đối với TSTT đồng sở hữu, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu, trừ khi giữa các bên có thỏa thuận khác.

3. Hằng năm, Trường trích một phần lợi nhuận từ các TSTT được thương mại hóa để bảo đảm kinh phí cho kế hoạch hoạt động quản trị TSTT của năm tiếp theo, bao gồm các nội dung:

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật SHTT và kiến thức quản trị TSTT;
- Xây dựng các cơ sở dữ liệu quản trị TSTT và cơ sở dữ liệu thông tin SHTT;
- Đầu tư trang, thiết bị phục vụ hoạt động quản trị TSTT;
- Lập Quỹ Ươm mầm Công nghệ trong Trường;
- Xây dựng các chương trình hỗ trợ hoạt động sáng tạo trong Trường;
- Triển khai các hoạt động khác theo nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ phận Quản trị TSTT.

4. Các vấn đề liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ hoạt động SHTT được Hiệu trưởng, Hội đồng Trường quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

Chương VI

CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.
2. Trong quá trình thực thi Quy định này, điều khoản nào trái với quy định của pháp luật hiện hành sẽ bị vô hiệu và áp dụng theo quy định của pháp luật; điều khoản nào không còn phù hợp với thực tiễn thì Hiệu trưởng tự mình hoặc theo đề nghị ký Quyết định bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung./.